

Số: /STP-BCTĐ

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025

Sở Tư pháp nhận được văn bản của Sở Xây dựng đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025. Sau khi nghiên cứu, thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 19/4/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định: "Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo từng giai đoạn".

Bên cạnh đó, tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 40 Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

“b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

c) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này”.

Do vậy, việc UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và phù hợp.

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Tại phần căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị bỏ các căn cứ ban hành là: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Đề nghị thay từ “căn cứ” bằng từ “thực hiện” trước các văn bản: Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Tại gạch đầu dòng thứ nhất Điều 6 dự thảo Quy định

Dự thảo quy định: “Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên thực hiện tại địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn”.

Tuy nhiên, theo mục 1 phần II Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg) thì Chương trình này có phạm vi thực hiện “trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

Đề nghị đơn vị soạn thảo thuyết minh thêm về việc không ưu tiên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với các xã an toàn khu (ATK) thuộc khu vực 1, khu vực 2 vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Tại Điều 7 dự thảo Quy định

Tại khoản 1 dự thảo quy định: “Thực hiện lồng ghép trong cùng dự án: Các dự án đầu tư liên huyện, liên xã, liên thôn có cùng về mục tiêu, quy mô, đối tượng đầu tư được sử dụng từ 02 nguồn vốn khác nhau trở lên thì thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đạt được mục tiêu của dự án”.

Đề nghị đơn vị soạn thảo thuyết minh thêm về việc thực hiện lồng ghép đối với các dự án đầu tư liên huyện như trong dự thảo, đánh giá về sự phù hợp của nội dung này đối với nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 27/2022/NĐ-CP: “Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện”.

4. Tại Điều 12, Điều 13 dự thảo Quy định

Đề nghị cân nhắc bỏ nội dung này do đã được quy định cụ thể tại các Điều 13, 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Tại Điều 14 dự thảo Quy định

Dự thảo quy định: “Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 70% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, triển khai”.

Tuy nhiên, cách trình bày như trên có thể dẫn đến hai cách hiểu khác nhau: (1) Tỷ lệ 70% được tính trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, triển khai trên địa bàn một huyện; (2) tỷ lệ 70% được tính trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, triển khai trên địa bàn cả tỉnh.

Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại nội dung này để có cách hiểu thống nhất trên thực tiễn.

III. VỀ THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN

1. Tại phần tên gọi của dự thảo Quy định, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo chính xác, phù hợp với tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

2. Đề nghị bỏ cụm từ “tự giác” tại gạch đầu dòng thứ 7 Điều 3 dự thảo quy định để đảm bảo phù hợp.

3. Đề nghị trình bày dự thảo Quy định theo bố cục điều, khoản, điểm để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, Sở Tư pháp gửi Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XD&KTVB.

GIÁM ĐỐC

Hà Thị Đào